

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7006/QĐ-SGDĐT ngày 24/9/2025 của Sở GDĐT)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- (1). Thời gian làm bài thi: 90 phút (Không tính thời gian phát đề).
 - (2). Phạm vi kiến thức: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chuẩn kiến thức kỹ năng bậc THCS.
 - (3). Hình thức bài thi: 90% trắc nghiệm khách quan một đáp án đúng và 10% tự luận.
 - (4). Mức độ nhận thức trong đề thi: Nhận biết 30%; Thông hiểu 40%; Vận dụng 30%.
 - (5). Các câu trong đề thi không trùng với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

PHẦN A: LÀM RA PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM (60 câu)

Kỹ năng	Nội dung	Số câu/ý hỏi chia theo mức độ nhận thức			Số câu	Điểm
		Nhận biết	Hiểu	Vận dụng		
Nghe	Bài nghe 1: Nghe bài hội thoại hoặc độc thoại và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành thông tin trong tài liệu nghe có độ dài tối đa 1 phút.	3	2		5	7.5
	Bài nghe 2: Nghe bài hội thoại hoặc độc thoại và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để trả lời câu hỏi liên quan đến các thông tin trong tài liệu nghe có độ dài tối đa 1 phút.	6	4		10	15
Đọc	Bài đọc 1: Đọc một bài khóa có độ dài khoảng 100 từ và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để điền vào 5 chỗ trống trong bài.	3	2		5	7.5
	Bài đọc 2: Đọc một bài khóa có độ dài khoảng 300 từ và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để trả lời câu hỏi.	3	5	2	10	20
Kiến thức ngôn ngữ	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa với từ được gạch chân.		3	1	4	4.8
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để tìm từ cùng họ với từ được gạch chân.		2		2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra định từ phù hợp	1	2		3	3.6

	(mạo từ, tính từ sở hữu, tính từ chỉ định).					
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra đại từ phù hợp (đại từ sở hữu, đại từ chỉ định, đại từ bổ ngữ, đại từ quan hệ đơn).	1	1		2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra từ để hỏi phù hợp.		2	1	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra dạng đúng của động từ (Impératif, Indicatif, Conditionnel présent).	1	1	1	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành câu bằng các từ <i>et, parce que, mais, pour, si</i> .	1	1	1	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra câu khẳng định hoặc câu phủ định tương ứng với câu đã cho.	1	1		2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành câu với các ngữ thức chỉ thời gian (<i>il y a, pendant, depuis, avant, après</i>).		2	1	3	3.6
Viết 1	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra câu so sánh phù hợp với ngữ cảnh đã cho.			5	5	10
	Tổng	20	28	12	60	90

PHẦN B: LÀM RA PHIẾU TRẢ LỜI TỰ LUẬN (10 câu)

Kỹ năng	Nội dung	Số câu/ý hỏi chia theo mức độ nhận thức			Số câu	Điểm
		Nhận biết	Hiểu	Vận dụng		
Viết 2	Sắp xếp các từ đã cho để tạo thành các câu đúng ngữ pháp và có nghĩa.			10	10	10
	Tổng			10	10	10

Tổng điểm bài thi: 100 điểm

Phần A: 90 điểm

Phần B: 10 điểm